TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH
Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 28/6/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Phi
Ông Vũ Mạnh Tùng
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.1. **Bùi Văn C**; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 03 tháng 7 năm 1971. Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Bùi Văn C, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Bùi Thị , sinh năm 1946. Có vợ là: Bùi Thị N, và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018 được cho tại ngoại. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình. (có mặt)

1.2. Bị can: **Bùi Văn P** . Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 08 tháng 5 năm 1971. Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Bùi Văn D, sinh năm 1941 và bà Bùi Thị , sinh năm 1944. Có vợ là Bùi Thị K, và 03 con, Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018 được cho tại ngoại. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình.(có mặt)

1.3. **Nguyễn Huy H**, Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 23 tháng 01 năm 1970. Nơi cư trú: khu phố 9, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1940 (đã chết) có vợ là Đỗ Thị L và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình (có mặt)

1.4. **Phạm Xuân K**, Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 26 tháng 12 năm 1975. Nơi cư trú: xóm Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 07/12. Con ông Phạm Xuân H, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Đinh Thị Đ. Có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1978 và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình. (có mặt)

1.5. **Trần Văn M**, Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 10 tháng 12 năm 1972. Nơi cư trú: xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do .Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Trần Văn L, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị D sinh năm 1953. Có vợ là Bùi Thị T, Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình (có mặt)

1.6. Bị can: **Nguyễn Văn Đ**, Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1972. Nơi cư trú: xóm Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 05/12. Con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1937 (chết 1996) và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1938 có vợ là Bùi Thị Ngọc A và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình. (có mặt)

1.7. Bị can: **Ngô Văn H** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 10 tháng 11 năm 1977. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nơi cư trú: xóm Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 1/12. Con ông Ngô Gia K sinh năm 1948 và bà Hà Thị U, sinh năm 1953. Có vợ là Bùi Thị H, và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến 27/12/2018. Hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14/HSST-LCĐKNCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Hòa Bình. (có mặt)

2.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Thị Hoài T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Xóm Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

2.4. Người làm chứng:

+ Bà Vũ Thị U, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 24/12/2018 Bùi Văn C và Bùi Văn P, ăn cơm tại nhà Bùi Văn C. Sau khi ăn cơm xong đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, Bùi Văn C có rủ Bùi Văn P đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau được T1a bằng tiền thì P đồng ý và cùng thống nhất sẽ đi đến khách sạn Giang Sơn địa chỉ tại xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Hòa Bình để T1ê

phòng làm nơi đánh bạc. Lúc này do cần thêm người cùng đánh bạc nên Bùi Văn C gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Huy H, đến khách sạn Giang Sơn để đánh bạc thì H đồng ý. Lúc này H và Nguyễn Văn Đ đang đi chơi cùng nhau nên H rủ thêm Đ đi đánh bạc cùng thì Đ đồng ý. Sau khi rủ được H đánh bạc thì C va P ra Đ Quốc lộ 12B đi xe Bus tuyến số 01 Hòa Bình - H từ xóm N, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến khách sạn Giang Sơn để đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày khi đến nơi và vào khách sạn Giang Sơn thì C, P gặp chị Bùi Thị P là nhân viên của khách sạn, lúc này C yêu cầu chị P cho T1ê một phòng để nghỉ ngơi và nói còn một số người bạn cùng nghỉ nữa sẽ đến sau thì chị P giữ lại giấy chứng minh nhân dân của C rồi cho T1ê phòng số 105 của khách sạn. Trước khi vào phòng, C yêu cầu chị P mang cho mấy chai nước và một bộ bài nói để chơi vui trong thời gian T1ê phòng nghỉ tại khách sạn, sau đó theo yêu cầu của C thì chị P lấy nước và một bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân tại quầy lễ tân mang vào phòng 105 cho C rồi ra quầy lễ tân tiếp tục làm việc. Đối với H và Đ trong lúc đi chơi tại thị trấn H, sau khi được C rủ đánh bạc và đồng ý thì cả hai đi bộ ra khu vực ngã ba H T1ê chiếc xe con loại bốn chỗ, màu đen đế đi đến khác sạn Giang Sơn đánh bạc. Khi đến nơi H và Đ gặp chị P nói có hẹn với bạn đang nghỉ tại phòng số 105, rồi yêu cầu chị P cho vào nghỉ cùng thì chị P đồng ý và chỉ phòng cho H và Đ vào. Sau khi H và Đ vào phòng 105 gặp C và P thì tất cả cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được T1a bằng tiền. Trước khi đánh bạc C, P, H và Đ thống nhất luật đánh như sau: mỗi người đánh bạc trong một ván đều phải đóng tiền gà là 10.000 đồng vào giữa chiếu, tố (cược) thấp nhất là 10.000 đồng và tố cao nhất là 100.000 đồng, ai thắng ván trước thì ván sau sẽ chia bài, mỗi người đánh bạc đều được chia 03 lá bài, sau khi xem bài thì tùy từng người lần lượt ngược theo chiều kim đồng hồ (vị trí ngồi) có thể bỏ bài và chịu mất số tiền gà đã đóng cho người thắng hoặc tố thêm, khi không có ai tố thêm và cân tiền bằng nhau thì ngửa bài xem điểm, ai có điểm cao hơn thì là người thắng ván bài đó, người thắng sẽ nhận được toàn bộ tiền gà và tiền tố của những người khác dưới chiếu. Sau khi thống nhất luật C, P, H và Đ gép sát hai giường ngủ kích thước l,5m x 2m trong phòng 105 lại và tất cả ngồi lên trên bắt đầu đánh bạc, những người trên bắt đầu đánh bạc từ khoảng 14 giờ cùng ngày, trước khi đánh bạc thì C có số tiền 6.500.000 đồng, P có số tiền 2.500.000 đồng, H có số tiền 2.500.000 đồng, Đ có số tiền 6.700.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 15 phút Lê Văn T gọi điện cho H và biết đang ở khách sạn Giang Sơn thì T có đến, tuy nhiên T khi đến nơi thì không tham gia đánh bạc cùng C, P, H và Đ mà ngồi cạnh xem. H đánh bạc được một lúc thì có gọi điện cho Trần Văn M, Phạm Xuân K, rủ đến khách sạn Giang Sơn cùng đánh bạc thì được M và K đồng ý. Khi đến nơi K và M gặp nhau tại khách sạn thì cùng đi vào quầy lễ tân gặp chị Bùi Thị P nói có hẹn với bạn đang nghỉ tại phòng số 105, rồi yêu cầu chị P cho vào nghỉ cùng thì chị P đồng ý và chỉ phòng cho K và M. Sau đó K và M đi vào phòng 105 thì thấy C, P, H và Đ đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được T1a bằng tiền thì tham gia đánh bạc cùng. Lúc này K có số tiền 1.700.000 đồng, M có số tiền 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Vào khoảng 14 giờ 35 phút Ngô Văn H gọi điện cho H để liên hệ công việc thì được H cho biết đang đánh bạc tại khách sạn Giang Sơn, lúc này do muốn tham gia đánh bạc cùng nên H đi bộ sang nhà chị Bùi Thị Hoài T1 để hỏi mượn chiếc xe mô tô biển K soát 28F1-088.68 của chị T1 nói đi giải quyết công việc. Sau khi mượn được xe mô tô H một mình điều khiển đi đến khách sạn Giang Sơn và cũng gặp

chị Bùi Thị P rồi yêu cầu được vào phòng 105 nghỉ cùng bạn thì được chị P chỉ cho vào phòng. Sau khi vào phòng H thấy có C, P, H, Đ, K và M đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau được T1a bằng tiền, lúc này H có số tiền 3.000.000 đồng lấy ra và để dưới chiếu bạc trước mặt để sử dụng đánh bạc. Sau đó C, P, H, Đ, K, M và H đánh liêng T1a bằng tiền với nhau đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Y phát hiện, bắt quả tang T1 giữ trên chiếu bạc số tiền 14.140.000 đồng là tiền những người trên sử dụng để đánh bạc, 01 bộ bài tú lơ gồm 52 quân và T1 giữ trên người Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng, trên người Bùi Văn P số tiền 60.000 đồng, trên người Nguyễn Văn Đ số tiền 3.000.000 đồng, trên người Nguyễn Huy H số tiền 1.200.000 đồng các đối tượng khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại bản thông báo kết quả giám định tiền số 168/TB-HBI ngày 14/3/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình xác định 162 tờ tiền Polymer có tổng giá trị 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) T1 giữ trong vụ án là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản Cáo trạng số: 24/VKS-YT ngày 17/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy đã truy tố Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện K sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65, Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn C từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, khoản 1, Điều 51, điều 17, điều 58 điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 17, điều 58; điều 65, Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Huy H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo.
- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân K từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo
- Xử phạt bị cáo Bùi Văn P từ 9 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.
- Xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo .
- Xử phạt bị cáo Ngô Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch T1 xung qũy

nhà nước số tiền 23.400.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Tịch T1 xuất hủy: 01 bộ bài tây 52 quân (được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 02)

- Cần tịch T1 phát mại sung quỹ Nhà nước: Một điện thoại di động Nokia 1 màu đen của Bùi Văn C; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia 112 màu xám của Nguyễn Huy H; Một điện thoại Nokia 1280 màu tím của Trần Văn M; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia màu đen của Phạm Xuân K; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia Lumina màu đen của Ngô Văn H là P tiện phạm tội.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu vàng của Bùi Văn P; Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu xanh của Nguyễn Văn Đ; không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của K sát viên, lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[*1] Về tố tụng Hình sự:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình và K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[*2] Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13h30 đến 15h30 ngày 24/12/2018 tại phòng 105 nhà nghỉ Giang Sơn các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H đã đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 23.400.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1, điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất, hậu quả, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, Các bị cáo là người trưởng thành có năng lực trách nhiệm hình sự. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích...

nhưng do hám lợi nên các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi cho đến khi bị phát hiện bắt giữ.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, bộc phát không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Bùi Văn C là người khởi xướng việc đánh bạc và được Bùi Văn P đồng ý, sau đó các bị cáo đã cùng nhau đến nhà nghỉ Giang Sơn để sát phạt được T1a bằng tiền. Vì vậy cần áp dụng các điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự đối với Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H để cá thể hóa hình phạt theo đúng vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Ngô Văn H có trình độ văn hóa thấp, nhận thức xã hội hạn chế, có bố đẻ là Ngô Gia K được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Phạm Xuân K có bố đẻ là Phạm Xuân H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Bị cáo Bùi Văn C có ông nội là Bùi Văn C được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì và mẹ đẻ là Bùi Thị I được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo là người dân tộc; Bị cáo Bùi Văn P là người dân tộc đồng thời có bố đẻ là Bùi Văn D và mẹ đẻ là Bùi Thị Ệ đều là người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ); Bị cáo Nguyễn Huy H có bố đẻ là Nguyễn Văn T được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng ba và mẹ đẻ là Phạm Thị D được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Trần Văn M, bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, xong cũng xét thấy các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có nhân thân tốt lần đầu phạm tội và T1ộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần Tết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa P quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Bùi văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H không có nghề nghiệp ổn định, T1 nhập thấp, không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 23.400.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu xung quỹ nhà nước.

- 01 bộ bài tây 52 quân là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc không có giá trị sử dụng vì vậy tịch thu xuất hủy.

Cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: Một điện thoại di động Nokia 1 màu đen của Bùi Văn C; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia 112 màu xám của Nguyễn Huy H; Một điện thoại Nokia 1280 màu tím của Trần Văn M; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia màu đen của Phạm Xuân K; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia Lumina màu đen của Ngô Văn H là P tiện phạm tội.

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu vàng của Bùi Văn P; Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu xanh của Nguyễn Văn Đ; không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo.

[9] Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với chị Bùi Thị Hoài T là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1-088.68. Ngày 24/12/2019 khi chị T1 cho bị cáo Ngô Văn H mượn chiếc xe mô tô thì không biết H sử dụng vào mục đích đi đánh bạc, do vậy chị T1 không có lỗi vì vậy Cơ quan điều tra trả lại cho chị T1 chiếc xe mô tô nói trên là thỏa đáng.

Đối với bà Vũ Thị U là chủ nhà nghỉ Giang Sơn khi bị cáo C, P và các bị cáo khác đến thuê phòng số 105 của khách sạn thì bà U không biết và cũng không biết thuê phòng với mục đích để đánh bạc đến khi bị bắt, do vậy bà Vũ Thị U không có lỗi nên không xem xét xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65, Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn C** 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc " Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58 điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Huy H** 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân K** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc". Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Văn P** 09(Chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc ". Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn H** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn M** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc". Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, khoản 1, Điều 51, điều 17, điều 58; điều 65, Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc". Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục

Trường hợp các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

- Tịch thu xuất hủy: 01 bộ bài tây 52 quân.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: Một điện thoại di động Nokia 1 màu đen của Bùi Văn C; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia 112 màu xám của Nguyễn Huy H; Một điện thoại Nokia 1280 màu tím của Trần Văn M; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia màu đen của Phạm Xuân K; Một chiếc điện thoại di động nhãn H Nokia Lumina màu đen của Ngô Văn H.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu vàng của Bùi Văn P; Một điện thoại di động nhãn H OPPO màu xanh của Nguyễn Văn Đ.

(Các đồ vật nêu trên được mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2019 giữa cơ quan điều tra công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, điều 135, khoản 2, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Văn P, Nguyễn Huy H, Phạm Xuân K, Trần Văn M, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày nói trên được tính từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- UBND xã Y
-UBND TT H
- UBND xã N – H. L
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương